

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HN - ST
Ngày: 22 - 02 - 2019
V/v tranh chấp “ Ly hôn, nuôi
con ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Sen
2. Ông Lê Việt Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Ngày 22 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 508/2018/TLST - DS ngày 07 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp “ ly hôn, nuôi con ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST - HN ngày 23 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Kim L, sinh năm 1987 (có mặt)
2. *Bị đơn:* Anh Lê Ngọc S, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số nhà 115 tổ 9 khóm A, thị trấn LH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày: Vào năm 2004 qua mai mối, chị Trần Thị Kim L và anh Lê Ngọc S tiến đến hôn nhân, có làm lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Long Hồ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 31/08/2005. Trong suốt quá trình chung sống vợ chồng chị thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do anh S thường xuyên uống rượu với bạn bè về nhà hành

hung, đánh đập chị và thậm chí xúc phạm cả cha mẹ vợ, còn buông lời ghen tuông vô cớ. Chị L đã cố gắng chịu đựng mong anh S thay đổi nhưng anh S vẫn không thay đổi. Từ đó mâu thuẫn giữa chị và anh S đã gay gắt hơn, tình cảm vợ chồng rạn nứt không khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị L yêu cầu ly hôn anh Lê Ngọc S.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Ngọc T, sinh ngày 27/7/2005, khi ly hôn chị L yêu cầu nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc T, chị L không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại Bản khai ý kiến, anh Lê Ngọc S không đồng ý ly hôn với chị Trần Thị Kim L. Anh S yêu cầu được nuôi con chung là Lê Ngọc T, sinh năm 2005, anh S không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh S xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa: Chị L vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh S. Do cháu Lê Ngọc T có nguyện vọng sống chung với anh S, nên chị L đồng ý giao cháu T cho anh S nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “ly hôn, nuôi con”, do bị đơn hiện đang cư trú tại thị trấn Long Hồ, huyện Long Hồ, căn cứ vào quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Ngọc S xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Ngọc S theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyền số 01/HT - 2005 do Ủy ban nhân dân thị trấn Long Hồ cấp ngày 31/8/2005 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh S là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh S đã có nhiều bất hòa, mâu thuẫn trầm trọng. Trên thực tế, đời sống hôn nhân giữa chị L và anh S không còn gắn bó, mâu thuẫn kéo dài nhiều năm, cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, mạnh ai nấy sống, mục đích hôn nhân không đạt được,

không có khả năng hàn gắn. Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần, nhưng anh S xin xét xử vắng mặt, không tham gia hòa giải, không có thiện chí đoàn tụ. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình yêu cầu ly hôn của chị L là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh S.

[4] Về con chung: Do cháu Lê Ngọc T có nguyện vọng sống chung với anh S, nên chị L đồng ý giao cháu T cho anh S nuôi dưỡng. Đây là sự tự nguyện của chị L, nên Hội đồng xét xử giao cháu Lê Ngọc T, sinh ngày 27/7/2005 cho anh Lê Ngọc S nuôi dưỡng.

Anh Lê Ngọc S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung: chị L và anh S không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Nợ chung: Chị L và anh S khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Kim L được ly hôn với anh Lê Ngọc S.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Ngọc T, sinh ngày 27/7/2005 cho anh Lê Ngọc S nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Ngọc S không yêu cầu chị Trần Thị Kim L cấp dưỡng nuôi con chung, nên Tòa án không xem xét.

4. Về tài sản chung: Chị L và anh S không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị L và anh S khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Kim L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm. Chị L đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0001969 ngày 07/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ qua, chị L không phải nộp thêm án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Kim L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Ngọc S vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đặng Thị Ngọc Tú